

PHỤ LỤC

Danh sách Thông tư quy định về phí, lệ phí cần sửa đổi quy định về quản lý và sử dụng phí

Số TT	Tên văn bản	Nội dung Điều, khoản cần sửa đổi	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
1.	Thông tư số 142/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	Điều 5. Quản lý và sử dụng phí 1. Tổ chức thu phí được để lại 75% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ thẩm định, thu phí. Số tiền được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí. 2. Tổ chức thu phí nộp 25% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục NSNN.	1. Tổ chức thu phí được trích để lại 75% số tiền phí thu được; nộp 25% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiểu mục tương ứng của Mục lục NSNN; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Tổ chức thu phí quản lý, sử dụng số tiền phí để lại theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. 2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP, thì phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Kinh phí đảm bảo cho các hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.	
2.	Thông tư số 144/2016/TT-BTC ngày 04/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm quan Bảo tàng Hải dương học	Điều 6. Quản lý và sử dụng phí Tổ chức thu phí được để lại 95% tổng số tiền phí thu được, để trang trải chi phí phục vụ công việc thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 5% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục NSNN.	1. Tổ chức thu phí được trích để lại 95% số tiền phí thu được; nộp 5% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiểu mục tương ứng của Mục lục NSNN. 2. Tổ chức thu phí quản lý, sử dụng số tiền phí để lại theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP.	

3.	Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	<p>Điều 5. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí được để lại 90% trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thẩm định và thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</p> <p>2. Số còn lại 10% phải nộp vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành.</p>	Nội dung sửa đổi như STT 2 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
4.	Thông tư số 157/2016/TT-BTC ngày 24/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự	<p>Điều 7. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước:</p> <p>a) Đối với hồ sơ đề nghị chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự nộp tại Bộ Ngoại giao: Tổ chức thu phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự (Bộ Ngoại giao) được trích để lại 30% số tiền phí thu được trước khi nộp vào NSNN để trang trải chi phí cho công việc thu phí tại Bộ Ngoại giao.</p> <p>Đối với hồ sơ đề nghị chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự nộp tại cơ quan ngoại vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Tổ chức thu phí (Bộ Ngoại giao) được để lại 20% tiền thu phí; chuyển cho</p>	<p>1. Tổ chức thu phí (Bộ Ngoại giao) được trích để lại 30% số tiền phí thu được; nộp 70% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>Tổ chức thu phí quản lý, sử dụng số tiền phí để lại theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP, thì phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Kinh phí đảm bảo cho các hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p>	Bỏ nội dung về trích chuyển tiền phí cho địa phương ¹

¹ Theo quy định tại Nghị quyết số 104/2023/QH15 của Quốc hội về dự toán NSNN: Kể từ ngày 01/7/2024, xóa bỏ cơ chế tài chính đặc thù của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước.

		<p>cơ quan ngoại vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 10% tiền thu phí trước khi nộp vào NSNN để trang trải chi phí cho công việc thu phí tại Bộ Ngoại giao và cơ quan ngoại vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>Nội dung chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</p> <p>b) Số tiền thu phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự còn lại 70%, tổ chức thu phí nộp vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành.</p>		
5.	<p>Thông tư số 159/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan Làng Văn hóa Du lịch các dân tộc Việt Nam</p>	<p>Điều 7. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>Tổ chức thu phí được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 10% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, mục, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN.</p>	<p>Nội dung sửa đổi như STT 2 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành</p>	
6.	<p>Thông tư số 160/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam</p>	<p>Điều 7. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>Tổ chức thu phí được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 10% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, mục, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN.</p>	<p>Nội dung sửa đổi như STT 2 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành</p>	
7.	<p>Thông tư số 161/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài</p>	<p>Điều 7. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>Tổ chức thu phí được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ; nộp 10% số</p>	<p>Nội dung sửa đổi như STT 2 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành</p>	

	chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam	tiền phí thu được vào NSNN theo chương, mục, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN.		
8.	Thông tư số 162/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thư viện áp dụng tại Thư viện Quốc gia Việt Nam	Điều 7. Quản lý và sử dụng phí Tổ chức thu phí được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 10% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, mục, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN.	Nội dung sửa đổi như STT 2 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
9.	Thông tư số 163/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan Bảo tàng Lịch sử quốc gia	Điều 7. Quản lý và sử dụng phí Tổ chức thu phí được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 10% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, mục, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN.	Nội dung sửa đổi như STT 2 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
10.	Thông tư số 164/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ tài liệu công nhận văn	Điều 6. Quản lý và sử dụng phí Tổ chức thu phí được để lại 60% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 40% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, mục, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN.	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	

	bảng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người Việt Nam			
11.	Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí, lệ phí</p> <p>1. Tổ chức thu lệ phí nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại 50% trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thẩm định và thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Số còn lại 50% phải nộp vào NSNN theo Mục lục NSNN</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	Bãi bỏ khoản 1 ²

² - Tại Điều 13 Luật Phí và lệ phí quy định: “1. Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời số tiền lệ phí thu được vào NSNN.

2. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật”.

- Tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính quy định: “...Tổ chức thu lệ phí nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được (bao gồm cả tiền lệ phí thu qua tài khoản chuyên thu lệ phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) vào NSNN theo tháng theo quy định của pháp luật quản lý thuế”.

Từ các căn cứ nêu trên, có thể bỏ nội dung về tổ chức thu lệ phí nộp 100% (toàn bộ) tiền lệ phí thu được vào NSNN tại các Điều về quản lý và sử dụng phí, lệ phí để tránh trùng lặp.

		hiện hành.		
12.	Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước:</p> <p>a) Tổ chức thu phí được để lại 70% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thẩm định và thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP và được chi các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí kiểm tra, thẩm định công nghệ của các hợp đồng chuyển giao công nghệ; - Chi trả tiền thù lao thuê chuyên gia kiểm tra, thẩm định, viết nhận xét, đánh giá báo cáo kết quả thẩm định; - Chi phí họp Hội đồng thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ. <p>b) Số tiền phí còn lại 30% tổ chức thu phí phải nộp vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành.</p>	Nội dung sửa đổi như STT 2 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
13.	Thông tư số 181/2016/TT-BTC ngày 07/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm quan Bảo tàng	<p>Điều 7. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>Tổ chức thu phí được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 10% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, mục, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN.</p>	Nội dung sửa đổi như STT 2 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	

	Mỹ thuật Việt Nam			
14.	Thông tư số 182/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan di tích lịch sử Dinh Độc Lập	Điều 7. Quản lý và sử dụng phí Tổ chức thu phí được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải cho các chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 10% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục NSNN.	Nội dung sửa đổi như STT 2 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
15.	Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải	Điều 7. Quản lý và sử dụng phí 1. Tổ chức thu phí được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí và nộp 10% vào NSNN; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Tiền phí được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. 2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì phải nộp 100% tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
16.	Thông tư số 192/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định, phê duyệt đánh giá an	Điều 6. Quản lý và sử dụng phí 1. Tổ chức thu phí được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thăm định, phê duyệt, thu phí và nộp 10% vào NSNN; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. a) Số tiền phí được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	Quy định về quản lý sử dụng phí tại Thông tư này sẽ được sửa đổi tại 01 Thông tư riêng.

	ninh cảng biển, kế hoạch an ninh cảng biển và cấp lý lịch liên tục của tàu biển	<p>b) Cục Hàng hải Việt Nam trích 10% trên số tiền được để lại, chuyển cho Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải. Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải quản lý và sử dụng số tiền này theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì phải nộp 100% tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p>		
17.	Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không	<p>Điều 5. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>Tổ chức thu phí được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Tiền phí được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
18.	Thông tư số 197/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn	<p>Điều 5. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí được để lại 70% số tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ cung cấp dịch vụ, thu phí. Số tiền được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</p> <p>2. Tổ chức thu phí nộp 30% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục NSNN. Thời điểm nộp phí thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	

		thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.		
19.	Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí và nộp 10% vào NSNN; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Tiền phí được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì phải nộp 100% tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
20.	Thông tư số 201/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch, lệ phí cấp giấy phép lái xe trong Công an nhân dân	<p>Điều 6. Quản lý phí, lệ phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí được trích lại 65% số tiền phí sát hạch thu được để trang trải chi phí cho việc tổ chức sát hạch cấp giấy phép lái xe và thu phí (bao gồm cả tiền thuê trung tâm sát hạch nếu có) theo các nội dung chi quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 35% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành.</p> <p>2. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí cấp giấy phép lái xe thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện cấp giấy phép lái xe và thu lệ phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	Bãi bỏ khoản 2
21.	Thông tư số	Điều 7. Quản lý và sử dụng phí	Nội dung sửa đổi như STT 2 tại Bảng	

	204/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan Bảo tàng Yersin.	Tổ chức thu phí được trích 90% số tiền phí thu được để trang trải cho các nội dung chi theo quy định của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 10% tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành.	này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
22.	Thông tư số 205/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan bảo tàng Phụ nữ Việt Nam	Điều 7. Quản lý và sử dụng phí Tổ chức thu phí được trích 90% số tiền phí thu được để trang trải cho các nội dung chi theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 10% tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành.	Nội dung sửa đổi như STT 2 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
23.	Thông tư số 206/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan các Vườn quốc gia Bạch Mã, Cúc Phương, Ba Vi, Tam Đảo, Yokdon, Cát Tiên.	Điều 7. Quản lý và sử dụng phí Tổ chức thu phí được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 10% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, mục, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN.	Nội dung sửa đổi như STT 2 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
24.	Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức	Điều 6. Quản lý phí, lệ phí 1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	Bãi bỏ khoản 3

	thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.	<p>chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì được trích lại 80% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 20% tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành.</p> <p>3. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào NSNN theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p>		
25.	Thông tư số 211/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan đến tác giả	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại 70% tổng số tiền phí thu được, để trang trải chi phí phục vụ thẩm định, thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Trong đó, các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí, bao gồm cả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi in niên giám đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan; - Chi lưu giữ, số hóa các dữ liệu đăng ký quyền tác 	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	

		<p>giả, quyền liên quan;</p> <p>- Chi cho việc thiết lập, quản lý và tổ chức khai thác mạng lưới các cơ sở dữ liệu thông tin về quyền tác giả, quyền liên quan.</p> <p>Số tiền phí còn lại (30%), tổ chức thu phí nộp vào NSNN theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục NSNN.</p>		
26.	<p>Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh</p>	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại 90% tổng số tiền phí thu được, để trang trải chi phí phục vụ thẩm định, thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Số tiền phí còn lại (10%), tổ chức thu phí nộp vào NSNN.</p>	<p>Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành</p>	
27.	<p>Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự.</p>	<p>Điều 9. Quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong</p>	<p>1. Tổ chức thu phí được trích để lại 55% số tiền phí thu được (Đối với cơ quan trại giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thu tiền, tài sản thi hành án: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày cơ quan thi hành án dân sự thu phí thi hành án dân sự đối với số tiền, tài sản do cơ quan trại giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thu thì cơ quan thi</p>	<p>Bỏ nội dung về trích chuyên tiền phí cho Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp hoặc Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng</p>

<p>- Thông tư số 74/2019/TT-BTC ngày 24/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 216/2016/TT-BTC</p>	<p><i>việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước thì thực hiện quản lý, sử dụng tiền phí thi hành án dân sự như sau:</i></p> <p><i>a) Tổ chức thu phí được trích lại 55% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</i></p> <p><i>Đối với trường hợp cơ quan trại giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thu tiền, tài sản thi hành án: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày cơ quan thi hành án dân sự thu phí thi hành án đối với số tiền, tài sản do cơ quan trại giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thu thì cơ quan thi hành án dân sự chuyển 55% tiền phí thi hành án dân sự thu được vào tài khoản của cơ quan trại giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đã thu tiền, tài sản thi hành án. số tiền này sử dụng để chi cho các nội dung theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</i></p> <p><i>b) Tổ chức thu phí có trách nhiệm nộp 20% số tiền phí thu được vào tài khoản của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp (hoặc Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng đối với tổ chức thu phí là cơ quan thi hành án quân khu và tương đương) tại Kho bạc Nhà nước. Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp (hoặc Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng) thực hiện điều hòa phí tiền phí cho các tổ chức thu phí ở những nơi tiền phí thu được không bảo đảm đủ các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</i></p> <p><i>Số tiền phí do tổ chức thu phí nộp vào tài khoản của Tổng cục Thi hành án dân sự (hoặc Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng đối với tổ chức thu phí là cơ quan thi hành án quân khu và tương đương) được xác định là 100%. Tổng cục Thi hành án dân sự (hoặc Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng) thực hiện việc điều</i></p>	<p>hành án dân sự chuyển 55% tiền phí thu được vào tài khoản của cơ quan trại giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đã thu tiền, tài sản thi hành án); nộp 45% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>Tổ chức thu phí quản lý, sử dụng số tiền phí để lại theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP, thì phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Kinh phí đảm bảo cho các hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p>
--	---	--

		<p><i>hòa tiền phí thi hành án được phép chi quản lý, điều hòa tiền phí thi hành án (chi văn phòng phẩm, sổ sách kế toán, theo dõi, tổng hợp số liệu phân bổ tiền phí, thông tin liên lạc, tập huấn, chỉ đạo nghiệp vụ, kiểm tra, báo cáo và các hoạt động khác có liên quan trực tiếp đến việc quản lý, điều hòa tiền phí thi hành án) và các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nhưng số chi hàng năm không quá 15% tổng số tiền phí thi hành án do các đơn vị nộp về.</i></p> <p><i>Hàng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu chi theo thực tế. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền phí chưa chi trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.</i></p> <p><i>c) Tổ chức thu phí có trách nhiệm nộp 25% số tiền phí thu được vào NSNN</i></p>		
28.	<p>Thông tư số 217/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của cá nhân.</p>	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>Tổ chức thu phí được trích lại 80% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 20% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành.</p>	<p>Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành</p>	
29.	<p>Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều</p>	<p>Điều 7. Quản lý phí, lệ phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí được trích lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 10% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành.</p> <p>2. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào NSNN theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN</p>	<p>Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành</p>	<p>Bãi bỏ khoản 2</p>

	kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.	hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.		
30.	Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư	<p>Điều 6. Quản lý phí, lệ phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này. Nguồn chi phí trang trải cho thực hiện công việc và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì được trích lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 10% tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành.</p> <p>3. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào NSNN theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho thực hiện công việc và thu lệ phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	Bãi bỏ khoản 3
31.	Thông tư số 221/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ tiền phí thu được vào NSNN trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Nguồn chi phí trang trải cho thực hiện công việc và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	

	quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề đầu giá tài sản	2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì được trích lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 10% tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành.		
32.	Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực trọng tài thương mại.	Điều 6. Quản lý và sử dụng phí 1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ tiền phí thu được vào NSNN trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Nguồn chi phí trang trải cho thực hiện công việc và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN. 2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì được trích lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 10% tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành.	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
33.	Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực thừa phát lại.	Điều 6. Quản lý và sử dụng phí 1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN. 2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì được trích lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 10% tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	

		hành.		
34.	Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, hoạt động quản lý, thanh lý tài sản; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên.	<p>Điều 6. Quản lý phí, lệ phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì được trích lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 10% tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành.</p> <p>3. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào NSNN theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	Bãi bỏ khoản 3
35.	Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực	<p>Điều 7. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Nguồn chi phí trang trải cho thực hiện công việc và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì được trích lại 50% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 50% tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	

		hành.		
36.	Thông tư số 232/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp mã số mã vạch	<p>Điều 6. Quản Lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí và nộp 10% vào NSNN; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Tiền phí được để lại để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; trong đó, các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí bao gồm cả: chi nộp hội phí cho Tổ chức mã số mã vạch quốc tế (GS1) theo quy định; chi cho việc triển khai áp dụng những quy định của GS1; chi hoạt động nghiên cứu phát triển, triển khai công nghệ, giải pháp mã số mã vạch; chi xây dựng và duy trì hệ thống dữ liệu mã số mã vạch; chi cho hoạt động quản lý, giám sát sử dụng mã số mã vạch; chi hội thảo, tập huấn, đào tạo nghiệp vụ trong nước và quốc tế, tổ chức các sự kiện liên quan do GS1 quốc tế chỉ định; chi tuyên truyền quảng cáo phục vụ cho công việc dịch vụ, thu phí, triển khai hoạt động quản lý mã số mã vạch.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì phải nộp 100% tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
37.	Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định cấp giấy giám định y khoa và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	

	thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa	mức chi NSNN. 2. Trường hợp tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí đối với các cơ quan nhà nước theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì được trích lại 95% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 5% tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành.		
38.	Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp	Điều 7. Quản lý và sử dụng phí 1. Tổ chức thu phí là Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia được trích lại 85% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 15% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành. Số tiền trích để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 Điều này được xác định là 100% và được phân bổ như sau: a) Tổ chức thu phí trích chuyển cho Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát phối hợp trong công tác xác minh 60% số tiền phí được để lại, tương ứng với số lượng hồ sơ yêu cầu xác minh đã được hoàn thành, để trang trải cho các nội dung liên quan đến cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bao gồm: Chi mua văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, công tác phí; chi bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, mua sắm vật tư, phương tiện lưu giữ, xử lý, bảo quản hồ sơ; chi hỗ trợ cho người tham gia phối hợp với Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát và các Sở Tư pháp trong việc liên hệ, đôn đốc, theo dõi, đối trừ các hồ sơ được miễn giảm phí, đối soát hồ sơ và kinh phí, tổng hợp thông tin, nhận và chuyển kết quả hồ sơ tra cứu, xác minh của cơ quan hồ		Thông tư này sẽ được sửa đổi riêng sau.

		<p>sơ nghiệp vụ cảnh sát và các khoản chi khác có liên quan đến việc tra cứu, cung cấp thông tin phục vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp.</p> <p>Việc trích chuyển được thực hiện thông qua Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, mỗi quý một lần trên cơ sở tổng số hồ sơ yêu cầu xác minh đã được Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia xác nhận.</p> <p>Trong trường hợp nhiều cơ quan phối hợp xác minh thông tin, thì ngoài khoản trích chuyển cho Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát, tổ chức thu phí hỗ trợ cho mỗi cơ quan khác thực hiện xác minh 25.000 đồng/yêu cầu.</p> <p>b) Tổ chức thu phí sử dụng số tiền phí còn lại để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</p> <p>2. Đối với tổ chức thu phí là Sở Tư pháp:</p> <p>a) Tổ chức thu phí trích 4% số tiền phí thu được chuyển về tài khoản của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia để Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia sử dụng trang trải chi phí cho các nội dung chi quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 15% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành</p> <p>Số tiền còn lại cho tổ chức thu phí được xác định là 100% và sau khi phân bổ như quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì tổ chức thu phí phải nộp vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p> <p>b) Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì trích 4% số tiền phí thu được chuyển về tài khoản của Trung tâm Lý lịch tư pháp</p>		
--	--	---	--	--

		<p>quốc gia để Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia sử dụng trang trải chi phí cho các nội dung chi quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, trích lại 81% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 15% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành.</p> <p>Số tiền trích lại cho tổ chức thu phí quy định tại điểm b khoản 2 Điều này được xác định là 100% và được phân bổ như quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.</p>		
39.	<p>Thông tư số 245/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.</p>	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí là Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được trích 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 10% tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành.</p> <p>2. Đối với tổ chức thu phí là Cục An toàn lao động, Cục An toàn và Môi trường công nghiệp, Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối, Cục Viễn thông, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cục Đăng kiểm, Cục Quản lý môi trường y tế, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:</p> <p>a. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ tiền phí thu được vào NSNN trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc, thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p> <p>b. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số</p>	<p>Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành</p>	

		120/2016/NĐ-CP thì được trích lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 10% tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành.		
40.	<p>- Thông tư số 246/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển</p> <p>- Thông tư số 27/2019/TT-BTC ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 246/2016/TT-BTC và Thông tư số 247/2016/TT-BTC</p>	<p>Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 246/2016/TT-BTC</p> <p>“Điều 6. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí được để lại 50% số tiền phí thu được, để chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Số tiền để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</p> <p>2. Tổ chức thu phí thực hiện nộp 50% số tiền phí thu được vào NSNN theo Chương, mục, tiêu mục của Mục lục NSNN. Thời điểm nộp phí theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.”</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
41.	<p>- Thông tư số 247/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí nhượng quyền</p>	<p>Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 247/2016/TT-BTC</p> <p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Cảng vụ hàng không miền Bắc: Trích để lại 45% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; chuyển về Cục Hàng không Việt Nam 14%; nộp NSNN 41%.</p> <p>2. Cảng vụ hàng không miền Trung: Trích để lại 52%</p>	<p>1. Tổ chức thu phí:</p> <p>a) Cảng vụ hàng không miền Bắc: Trích để lại 45% số tiền phí thu được; nộp 55% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN.</p> <p>b) Cảng vụ hàng không miền Trung: Trích để lại 52% số tiền phí thu được; nộp 48% số tiền phí thu được vào NSNN</p>	Bỏ nội dung về trích chuyển tiền phí cho Cục Hàng không Việt Nam

	<p>khai thác cảng hàng không, sân bay</p> <p>- Thông tư số 27/2019/TT-BTC ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 246/2016/TT-BTC và Thông tư số 247/2016/TT-BTC</p>	<p><i>số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; chuyển về Cục Hàng không Việt Nam 4%; nộp NSNN 44%.</i></p> <p><i>3. Cảng vụ hàng không miền Nam: Trích để lại 43% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; chuyển về Cục Hàng không Việt Nam 18%; nộp NSNN 39%.</i></p> <p><i>4. Tổ chức thu phí (các Cảng vụ hàng không) quản lý và sử dụng tiền phí được để lại theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; bao gồm cả chi: bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; đo đạc, phân định ranh giới quân sự và dân sự tại các cảng hàng không, sân bay (phần do các cảng vụ hàng không quản lý); thuê nhà làm việc cho các Đại diện cảng vụ hàng không (nếu có).</i></p> <p><i>5. Cục Hàng không Việt Nam sử dụng số tiền phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay cho hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về NSNN; pháp luật phí, lệ phí và theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tài chính đặc thù của Cục Hàng không Việt Nam.</i></p>	<p>theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN.</p> <p>c) Cảng vụ hàng không miền Nam: Trích để lại 43% số tiền phí thu được; nộp 57% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN.</p> <p>2. Tổ chức thu phí quản lý, sử dụng số tiền phí để lại theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP.</p> <p>3. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP, thì phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Kinh phí đảm bảo cho các hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p>	
42.	<p>Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bên thủy nội địa</p>	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí là các cảng vụ đường thủy nội địa được để lại 90% tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 3 Điều này và nộp NSNN 10% tiền phí thu được.</p> <p>Trường hợp cảng vụ đường thủy được ủy quyền có số thu phí thu được cao hơn dự toán chi được phê duyệt thì số chênh lệch giữa số thu và dự toán chi được phê duyệt phải nộp NSNN.</p> <p>2. Tổ chức thu phí là các cảng vụ hàng hải được để lại</p>	<p>1. Tổ chức thu phí:</p> <p>a) Các Cảng vụ đường thủy nội địa được để lại 90% tiền phí thu được; nộp 10% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN.</p> <p>b) Các Cảng vụ hàng hải được để lại 50% số tiền phí thu được; nộp 50% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN.</p> <p>2. Tổ chức thu phí quản lý, sử dụng số</p>	

		<p>50% số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 3 Điều này và nộp NSNN 50% tiền phí thu được. Trường hợp có số thu phí cao hơn dự toán chi được phê duyệt thì số chênh lệch giữa số thu và dự toán chi được phê duyệt phải nộp NSNN.</p> <p>3. Tiền phí được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; trong đó, các khoản chi khác liên quan đến thu phí, lệ phí gồm cả: Chi ăn giữa ca theo quy định của pháp luật; chi thuê trụ sở đại diện cảng vụ đường thủy nội địa, tổ cảng vụ đường thủy nội địa (nếu có); chi cho công tác tìm kiếm cứu nạn người, hàng hóa, phương tiện, tàu biển bị tai nạn; chi xử lý công việc có liên quan đến phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa; chi bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn.</p>	<p>tiền phí để lại theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP.</p> <p>3. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP, thì phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Kinh phí đảm bảo cho các hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p>	
43.	<p>Thông tư số 249/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự</p>	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí, lệ phí</p> <p>Tổ chức thu phí được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thẩm định và thu phí. Số tiền phí được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</p>	<p>Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành</p>	

44.	<p>Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p>	<p>Điều 6. Quản lý phí, lệ phí</p> <p>1. Đối với tổ chức thu phí là Cục Bỏ trợ tư pháp, Sở Tư pháp, Phòng công chứng:</p> <p>a) Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p> <p>b) Trường hợp được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước thì thực hiện quản lý, sử dụng tiền phí như sau:</p> <p>b1) Đối với Cục Bỏ trợ tư pháp, Sở Tư pháp được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 10% số tiền phí thu được còn lại vào NSNN.</p> <p>b2) Đối với Phòng công chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng công chứng tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, Phòng công chứng tự bảo đảm chi thường xuyên thì được trích 75% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 25% số tiền phí thu được còn lại vào NSNN. - Phòng công chứng tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thì được trích 60% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 40% số tiền phí thu được còn lại vào NSNN. - Phòng công chứng do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thì được trích 50% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 	<p>1. Đối với tổ chức thu phí là Cục Bỏ trợ tư pháp, Sở Tư pháp, Phòng công chứng:</p> <p>a) Đối với Cục Bỏ trợ tư pháp, Sở Tư pháp được trích để lại 90% số tiền phí thu được; nộp 10% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Đối với Phòng công chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng công chứng tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, Phòng công chứng tự bảo đảm chi thường xuyên thì được trích 75% số tiền phí thu được; nộp 25% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN. - Phòng công chứng tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thì được trích 60% số tiền phí thu được; nộp 40% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN. - Phòng công chứng do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thì được trích 50% số tiền phí thu được; nộp 50% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN. <p>Tổ chức thu phí quản lý, sử dụng số tiền phí để lại theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP, thì phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Kinh phí đảm bảo cho các hoạt động cung cấp dịch</p>	Bãi bỏ khoản 3
-----	---	--	--	----------------

		<p>5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 50% số tiền phí thu được còn lại vào NSNN.</p> <p>2. Đối với Văn phòng công chứng: Tiền phí thu được là doanh thu của Văn phòng công chứng. Văn phòng công chứng được giữ lại 100% số tiền phí thu được để trang trải cho việc thu phí và phải khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Văn phòng công chứng thực hiện lập và giao hóa đơn cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn.</p> <p>3. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p>	<p>vụ và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Đối với Văn phòng công chứng: Tiền phí thu được là doanh thu của Văn phòng công chứng. Văn phòng công chứng được giữ lại 100% số tiền phí thu được để trang trải cho việc thu phí và phải khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Văn phòng công chứng thực hiện lập và giao hóa đơn cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn.</p>	
45.	<p>Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy</p>	<p>Điều 7. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí được trích lại 80% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Trong đó, các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí bao gồm cả các nội dung chi như sau:</p> <p>a) Chi bổ sung, hỗ trợ mua, thay thế, thuê phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy phục vụ công tác thẩm duyệt theo quy định tại Thông tư, hướng dẫn của Bộ Công an; hỗ trợ lưu trữ hồ sơ thẩm duyệt;</p> <p>b) Chi hội đồng thẩm định dự án; thuê tổ chức thực hiện thẩm định dự án; mua và dịch tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ công tác thẩm duyệt; chi làm thêm giờ cho cá nhân thực hiện thẩm duyệt và thu phí; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ phục vụ công tác thẩm duyệt.</p> <p>2. Số tiền còn lại nộp (20%) vào NSNN theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành.</p>	<p>Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành</p>	

46.	<p>Thông tư số 259/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ tài liệu, lệ phí cấp Giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài</p>	<p>Điều 7. Quản lý phí, lệ phí</p> <p>1. Đối với tổ chức thu phí là Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài:</p> <p>a) Chậm nhất là ngày 20 hàng tháng, tổ chức thu phí chuyển 30% số tiền phí thu được tháng trước vào tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước của Cục Quản lý lao động ngoài nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN;</p> <p>b) Quản lý số tiền phí nộp vào Quỹ Tạm giữ NSNN tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng Quỹ Tạm giữ NSNN tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.</p> <p>2. Đối với tổ chức thu phí là Cục Quản lý lao động ngoài nước:</p> <p>a) Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được và số tiền phí do Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chuyển về vào NSNN trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN;</p> <p>b) Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì được để lại 30% số tiền phí thu được và số tiền thu phí do Cơ quan đại diện Việt Nam</p>	<p>1. Tổ chức thu phí (Cục Quản lý lao động ngoài nước) được trích để lại 30% số tiền phí thu được; nộp 70% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>Tổ chức thu phí quản lý, sử dụng số tiền phí để lại theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP, thì phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Kinh phí đảm bảo cho các hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p>	<p>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 6³.</p> <p>- Bỏ nội dung về trích chuyển tiền phí cho Cục Quản lý lao động ngoài nước.</p> <p>- Bãi bỏ khoản 3</p>
-----	---	--	---	--

³ Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 6 như sau:

“a) Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí nộp 100% số tiền phí đã thu được của tháng trước vào NSNN của Quỹ Tạm giữ NSNN tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và quản lý theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng Quỹ Tạm giữ NSNN tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.”.

		<p>ở nước ngoài chuyển về theo quy định tại khoản 1 Điều này để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</p> <p>3. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào NSNN theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p>		
47.	<p>Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu</p>	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại 90% tổng số tiền phí thu được, để trang trải chi phí phục vụ thẩm định, thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Số tiền phí còn lại (10%), tổ chức thu phí nộp vào NSNN theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục NSNN.</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
48.	<p>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp</p>	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí, lệ phí</p> <p>1. Tổ chức thu lệ phí nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành.</p> <p>2. <i>Tổ chức thu phí được để lại 50% số tiền phí thu được để trang trải các chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP và nộp 50% số tiền phí thu được vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành.</i></p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	Bãi bỏ khoản 1

	- Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 263/2016/TT-BTC			
49.	Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Điều 7. Quản lý và sử dụng 1. Bộ Ngoại giao được sử dụng 30% số tiền phí trong lĩnh vực ngoại giao thực thu để chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.	1. Bộ Ngoại giao được trích để lại 30% số tiền phí thu được và quản lý, sử dụng số tiền phí để lại theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP.	
50.	Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện	Điều 8. Quản lý sử dụng phí, lệ phí 1. Tổ chức thu lệ phí có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành. 2. Tổ chức thu phí được trích 50% số tiền phí thu được để chi phí cho việc quản lý và thu phí theo chế độ quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Thông tư số 97/2009/TT-BTC ngày 20/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với Cục Tần số vô tuyến điện. Số còn lại 50% nộp vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành.		Quy định về quản lý sử dụng phí tại Thông tư này sẽ được sửa đổi tại 01 Thông tư riêng.
51.	- Thông tư số 268/2016/TT-BTC	Điều 7. Quản lý và sử dụng phí, lệ phí		Thông tư này sẽ được sửa đổi

	<p>ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viên thông</p> <p>- Thông tư số 32/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 268/2016/TT-BTC</p>	<p>1. Tổ chức thu lệ phí nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. <i>Tổ chức thu phí được để lại 35% số tiền phí sử dụng mã, số viên thông thu được để phục vụ cho công tác tổ chức thu và sử dụng theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP và Quyết định số 39/2017/QĐ-TTg ngày 15/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng cơ chế tài chính của Cục Viễn thông; nộp 65% tiền phí thu được vào NSNN theo Chương, mục, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành.</i></p>		riêng sau.
52.	<p>Thông tư số 269/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí thuộc lĩnh vực an toàn thông tin</p>	<p>Điều 6. Quản lý sử dụng</p> <p>1. Tổ chức thu phí và lệ phí nộp toàn bộ số tiền phí, lệ phí thu được vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí, lệ phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại 90% trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Số còn lại 10% nộp vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành.</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	Bãi bỏ khoản 1
53.	<p>- Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài</p>	<p>Điều 7. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Đơn vị được Bộ Thông tin và Truyền thông giao thực hiện thu phí phải nộp 100% tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn cung cấp dịch vụ, thu phí do NSNN bố</p>		Thông tư này sẽ được sửa đổi riêng sau.

	<p>chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp phép hoạt động viễn thông và phí quyền hoạt động viễn thông</p> <p>- Thông tư 32/2022/TT-BTC ngày 09/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC</p>	<p><i>trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>Trường hợp đơn vị này thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP được trích để lại 4% số tiền phí thu được để chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí và nộp 96% vào NSNN.</i></p> <p>2. Cục Viễn thông được trích để lại 10% số tiền phí thu được để chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí và nộp 90% vào NSNN.</p> <p>3. Số tiền được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</p>		
54.	<p>Thông tư số 275/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tài liệu lưu trữ</p>	<p>Điều 7. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>Tổ chức thu phí được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 10% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, mục, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN.</p>	<p>Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành</p>	
55.	<p>Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch</p>	<p>Điều 7. Quản lý phí, lệ phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì được trích lại 50% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo</p>	<p>Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành</p>	<p>Bãi bỏ khoản 3</p>

	Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch	<p>quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 50% tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành.</p> <p>3. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p>		
56.	<p>Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp</p>	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí là Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Các cơ quan quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Trung Bộ, Nam Bộ; Các Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng; Trung tâm kiểm nghiệm, kiểm chứng và tư vấn chất lượng nông lâm thủy sản; Cục Thú y; Cục Bảo vệ thực vật (trường hợp được khoán chi phí hoạt động thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính) được trích lại 80% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 20% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành.</p> <p>Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản căn cứ vào số thu được để lại chi theo quy định, thực hiện việc điều hòa nguồn kinh phí cho các đơn vị thu phí trực thuộc (gồm Cơ quan Cục; Các cơ quan quản lý chất lượng nông lâm sản và: thủy sản Trung Bộ, Nam Bộ; Các Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng; Trung tâm kiểm nghiệm, kiểm chứng và tư vấn chất lượng nông lâm thủy sản) không đủ nguồn chi bảo đảm quỹ tiền lương tối thiểu cho cán bộ, công nhân viên thu phí và các khoản chi phục vụ hoạt động quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh thủy</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	Bỏ nội dung về điều hòa tiền phí

		<p>sản của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.</p> <p>2. Đối với tổ chức thu phí là Tổng cục Thủy sản, Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối, Chi cục quản lý chất lượng nông lâm thủy sản, Chi cục Chăn nuôi và thú y, Chi cục Trồng trọt, bảo vệ thực vật, Chi cục Thủy sản:</p> <p>a) Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p> <p>b) Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì được trích lại 80% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 20% tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành.</p>		
57.	<p>Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử</p>	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho việc cung cấp dịch vụ và thu phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước được để lại 85% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ việc cung cấp dịch vụ, thu phí và nộp 15% vào NSNN.</p>	<p>Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành</p>	

		Tiền phí được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; trong đó, các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí bao gồm cả: chi phí thuê khoán chuyên môn, thuê dịch vụ tra cứu, cung cấp thông tin, thuê dịch thuật, thuê thẩm định; chi phí tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn các quy định về cấp giấy phép, giấy đăng ký và chứng chỉ; chi phí thực hiện đề tài, đề án, nhiệm vụ nhằm hoàn thiện quy trình, thủ tục cấp giấy phép, giấy đăng ký và chứng chỉ.		
58.	Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác	<p>Điều 7. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ thẩm định, thu phí. Số tiền phí được để lại thực hiện quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</p> <p>Số tiền phí còn lại (10%), tổ chức thu phí nộp vào NSNN theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục NSNN.</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
59.	Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh	<p>Điều 7. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	

	vực điện ảnh	<p>120/2016/NĐ-CP được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ thẩm định, thu phí. Số tiền phí được để lại thực hiện quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</p> <p>Số tiền phí còn lại (10%), tổ chức thu phí nộp vào NSNN theo chương, mục, tiêu mục tương ứng của Mục lục NSNN.</p>		
60.	<p>Thông tư số 290/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung, kịch bản trò chơi điện tử trên mạng</p>	<p>Điều 6. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại 90% tổng số tiền phí thu được, để trang trải chi phí phục vụ thẩm định, thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Số tiền phí còn lại (10%), tổ chức thu phí nộp vào NSNN.</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
61.	<p>Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính</p>	<p>Điều 6. Quản lý sử dụng</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	

		90% trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thẩm định và thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Số còn lại 10% phải nộp vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành.		
62.	Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Điều 5. Quản lý và sử dụng phí Tổ chức thu phí được trích để lại 70% trên tổng số tiền phí thực thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dữ liệu, thu phí. Số tiền được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
63.	Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ	Điều 6. Quản lý và sử dụng phí 1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật. 2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ thẩm định, thu phí. Số tiền phí được để lại thực hiện quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Số tiền phí còn lại (10%), tổ chức thu phí nộp vào NSNN theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục NSNN.	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
64.	Thông tư số	Điều 6. Quản lý và sử dụng phí	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng	

	299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá	<p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ thẩm định, thu phí. Số tiền phí được để lại thực hiện quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Số tiền phí còn lại (10%), tổ chức thu phí nộp vào NSNN theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục NSNN.</p>	này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
65.	Thông tư số 307/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền	<p>Điều 6. Quản lý, sử dụng</p> <p>1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại 50% trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc cung cấp dịch vụ và thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Số còn lại 50% phải nộp vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành.</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
66.	Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21/4/2017 của	<p>Điều 5. Quản lý và sử dụng phí</p> <p>1. Tổ chức thu phí phải nộp 100% tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động</p>	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	

	Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	thẩm định, thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật. 2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí, theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì được trích để lại 70% tổng số tiền phí thực thu được để trang trải chi phí hoạt động thẩm định, thu phí; nộp 30% tiền phí thu được vào NSNN. Số tiền được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.		
67.	Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn hành nghề đấu giá tài sản, phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp để đấu giá tài sản	Điều 6. Quản lý và sử dụng phí 1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ tiền phí thu được vào NSNN trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Nguồn chi phí trang trải cho thực hiện công việc và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN. 2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì được trích lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 10% tiền phí thu được vào NSNN theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành.	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	
68.	Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất	Điều 6. Quản lý và sử dụng phí 1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật. 2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong	Nội dung sửa đổi như STT 1 tại Bảng này, tỷ lệ để lại như hiện hành	

		việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại 90% trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Số tiền phí còn lại 10% phải nộp vào NSNN theo Mục lục NSNN hiện hành.		
69.	Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp	<p>Điều 7. Quản lý phí, lệ phí</p> <p>1. Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh được trích 85% số tiền phí cung cấp thông tin doanh nghiệp thu được để chi cho các nội dung quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 15% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục ngân sách hiện hành.</p> <p>2. Đối với tổ chức thu phí là Sở Kế hoạch và Đầu tư:</p> <p>a) Tổ chức thu phí chuyển 70% số tiền phí cung cấp thông tin doanh nghiệp thu được vào tài khoản của Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh. Việc trích chuyển được thực hiện hàng tháng. Số tiền còn lại 30% nộp vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục ngân sách hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p> <p>b) Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì chuyển 70% số tiền phí cung cấp thông tin doanh nghiệp thu được vào tài khoản của Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh. Việc trích chuyển được thực hiện hàng tháng. Số tiền còn lại 30% được sử dụng để trang trải cho việc thu phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.</p> <p>c) Số tiền phí cung cấp thông tin doanh nghiệp do các Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển vào tài khoản của</p>	<p>1. Đối với tổ chức thu phí là cơ quan cấp trung ương</p> <p>a) Tổ chức thu phí được để lại 85% số tiền phí thu được; nộp 15% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành; trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.</p> <p>Tổ chức thu phí quản lý, sử dụng số tiền phí để lại theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP.</p> <p>b) Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Đối với tổ chức thu phí là cơ quan cấp địa phương</p> <p>a) Tổ chức thu phí được để lại 30% số tiền phí thu được; nộp 70% số tiền phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục của Mục lục NSNN hiện hành; trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</p>	<p>- Bỏ nội dung về trích chuyển tiền phí cho Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh.</p> <p>- Bãi bỏ khoản 3</p>

		<p>Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này được xác định là 100% và phân bổ như sau: Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh được giữ lại 85% để chi cho các nội dung quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 15% vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục ngân sách hiện hành.</p> <p>3. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục ngân sách hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN.</p>	<p>Tổ chức thu phí quản lý, sử dụng số tiền phí để lại theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP.</p> <p>b) Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP, thì phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Kinh phí đảm bảo cho các hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật.</p>	
--	--	--	---	--